TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Vũ Thị Tuyến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Cao Thị Đại** và Bà **Nguyễn Thị Lan**

* *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông **Quàng Văn Long** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2017 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2017/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

) Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ dân phố 06, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

) Bị đơn*: Ông **Ngô Văn H - Sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường Thanh Tr, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/02/2017 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

- *Về hôn nhân*: Bà Th và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 09/3/2011 tại UBND phường Thanh Tr, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống bà và ông H thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp và bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con chung. Ông H hay chửi bới, xúc phạm bà Th dẫn đến xô xát xảy ra thường xuyên. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà Th đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Th được ly hôn với ông H.

- *Về con chung:* Bà Th, ông H có hai con chung là Ngô Gia H1 - sinh ngày 10/7/2011 và Ngô Thị Thanh Th1 - sinh ngày 15/01/2013. Nguyện vọng

của bà Th là được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Ngô Thị Thanh Th1 còn ông H nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Ngô Gia H1. Nhưng nếu ông H không muốn nuôi cháu H1 thì bà Th sẽ nhận trách nhiệm nuôi cháu, còn ông H nuôi cháu Ngô Thị Thanh Th1 và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Hiện tại cháu H1 đang bị chứng rối loạn tự kỷ/chậm phát triển trí tuệ theo giấy xác nhận tình trạng bệnh tật của Bộ y tế bệnh viện nhi trung ương nên cũng tốn kém nhiều tiền để chữa bệnh cho cháu về sau này.

- *Về con riêng và con nuôi:* Không có.

**) Về tài sản chung và Nợ chung:* Không có.

Tại bản tự khai đề ngày 01/3/2017 và trong quá trình giải quyết, xét xử bị đơn ông Ngô Văn H trình bày:

- *Về hôn nhân*: Ông H thừa nhận thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nguyên nhân dẫn đến bà Th có đơn xin ly hôn đối với ông H như bà Th đã trình bày. Ông H không nhất trí ly hôn vì tình cảm của ông đối với bà Th vẫn còn và vì yêu thương các con nên ông H đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng ông bà được quay về đoàn tụ với nhau, cùng nhau nuôi dậy con cái trưởng thành.

- *Về con chung*: Ông H thừa nhận ông và bà Th có hai con chung là Ngô Gia H1 - sinh ngày 10/7/2011 và Ngô Thị Thanh Th1 - sinh ngày 15/01/2013. Ông H không đồng ý ly hôn nên ông không có nguyện vọng giải quyết về con chung.

- *Về tài sản chung và Nợ chung*: Ông H thừa nhận ông và bà Th không có tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các đương sự tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Ngô Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

2. Về nội dung:

**) Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông H là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận. Bà Th cho rằng trong quá trình chung sống bà và ông H thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con chung, ông H thường xuyên chửi bới xúc phạm bà Th (được chứng minh tại các BL: 38,39,40). Ông H thừa nhận trong quá trình chung sống giữa ông và bà Th cũng có nảy sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp và vì vẫn còn tình cảm với bà Th và yêu thương các con nên ông H không nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông H đã đến mức trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho bà Th được ly hôn với ông H là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

**) Về con:*

- *Về con chung:* Bà Th và ông H có 02 cháu là Ngô Gia H1 - sinh ngày 10/7/2011 và Ngô Thị Thanh Th1 - sinh ngày 15/01/2013. Hiện tại cháu H1 đang ở với ông H, cháu Th1 đang ở với bà Th. Tại biên bản hoà giải ngày 21/4/2017 ông H và bà Th thỏa thuận bà Th được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai cháu là Ngô Gia H1 - Sinh ngày 10/7/2011 và Ngô Thị Thanh Th1 - Sinh ngày 15/01/2013. Ông H không phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho hai cháu. Tuy nhiên tại phiên tòa do ông H không đưa ra nguyện vọng giải quyết về con chung nên bà Th tự nguyện xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H1 (vì cháu H1 bị bệnh tự kỷ nên cần đến sự quan tâm chăm sóc, cũng như điều kiện về chữa bệnh cho cháu nhiều hơn), còn ông H có trách nhiệm nuôi dưỡng chăm sóc cháu Th1 và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về thu nhập của bà Th từ nghề bán rau trung bình mỗi tháng chỉ được khoảng 2.000.000 đồng nên hàng tháng bố mẹ bà Th vẫn phải chu cấp thêm tiền cho bà Th để đảm bảo cho những nhu cầu thiết yếu của gia đình. Còn ông H khai thu nhập của ông từ nghề chạy xe ôm và chụp ảnh chỉ được trên dưới 2.000.000 đồng. Vì vậy để đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của con chung Hội đồng xét xử cần giao cho bà Th được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Ngô Gia H1 - sinh ngày 10/7/2011; ông H được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Ngô Thị Th Th1 - sinh ngày 15/01/2013 và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp với quy định tại Điều 92 và 94 Luật HNGĐ năm 2000.

- *Về con riêng và con nuôi:* Không có.

**) Về tài sản chung* và *Nợ chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều khai không có tài sản chung và nợ chung. Vì vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

*) *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Ngô Văn H.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Ngô Gia H1 - sinh ngày 10/7/2011 cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Ngô Thị Thanh Th1 - sinh ngày 15/01/2013 cho ông Ngô Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

2.3 Các bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Ông H, bà Th cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- ***Về con riêng, con nuôi:*** Không có.

3. Về tài sản chung và Nợ chung: Không có.

4. Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2016/0001281 ngày 10/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Bà Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 243, 245 Bộ luật tố tụng dân sự bà Nguyễn Thị Th và ông Ngô Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/7/2017).

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- UBND phường Thanh Tr TPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ